TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2026
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Mười
2. Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2026/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2026; về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên số 98/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số C, đường số D, tổ E, thôn S, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh Thái Văn H, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số C, đường số D, tổ E, thôn S, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa vắng mặt vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị Lê Thị T, anh Thái Văn H tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn chị T, anh H sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cải vả và không có tiếng nói chung; anh H không chăm lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, cá độ dẫn đến nợ nần; chị T và hai bên gia đình nội, ngoại đã nhiều lần tác động, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Trước đây vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình chị T đã nhiều lần bỏ qua, tuy nhiên anh H vẫn không thay đổi được. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; hiện nay chị T không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

Quá trình chung sống chị T, anh H có một người con chung là Thái Lê Xuân L, sinh ngày 01/4/2021. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con, mặc dù đã được Toà án giải thích. Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đối với bị đơn anh Thái Văn H:

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập nhưng đều không có ý kiến gửi Tòa án, cũng không tham gia làm việc, tham gia phiên toà. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2026 (bút lục 27) thể hiện:

Anh Thái Văn H, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1992; căn cước công dân số 060092012535; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú số C, đường số D, tổ E, thôn S, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2026 (bút lục 28) thể hiện:

Chị T, anh H kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng. Cả hai có một người con chung là Thái Lê Xuân L, sinh ngày 01/4/2021. Trước đây anh H làm thợ hồ, còn chị T làm nghề may mặc, những năm gần đây anh H bỏ bê công việc, không lo làm ăn; nhiều lúc

anh H bỏ nhà đi vài ba ngày về lại; các bên có xảy ra to tiếng mỗi khi anh H đi nhậu về.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử; Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị T được ly hôn với anh H; giao con chung Thái Lê Xuân L, sinh ngày 01/4/2021 cho chị T nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết quyền nuôi con đối với anh Thái Văn H hiện thường trú tại xã N, tỉnh Lâm Đồng nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng và quan hệ pháp luật cần giải quyết là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung.

[2] Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có lý do chính đáng. Vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Chị Lê Thị T, anh Thái Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 28/02/2018, số vào sổ 011/2018 tại Ủy ban

nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị T, anh H chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Mặc dù cả hai đã nhiều lần tự khuyên bảo, động viên nhau thay đổi để chung sống hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả. Chị T xác định hiện nay không còn tình cảm với anh H nên đề nghị giải quyết ly hôn. Bản thân anh H sau khi thụ lý vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp, hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau nhưng không tham gia, không có ý kiến; điều đó chứng tỏ anh H không còn muốn níu kéo hôn nhân, cũng như không còn tha thiết gì cuộc sống hôn nhân với chị T. Nên có cơ sở xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; nếu có tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Nên, cần xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng được quyền nuôi con Thái Lê Xuân L, sinh ngày 01/4/2021; trong khi anh H không có ý kiến gì. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu L tuổi còn nhỏ, chưa thể tự mình chăm sóc bản thân, lại đang trong độ tuổi phát triển thể chất và tâm, sinh lý; cần phải có người thường xuyên, trực tiếp chăm sóc, hiện chị T có công việc ổn định (thợ may), nên cần thiết giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng: Mặc dù đã được Toà án giải thích nhưng chị T không có yêu cầu, nên không xem xét trong vụ án này.

[6] Các bên không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[7] Chị T phải chịu án phí ly hôn.

[8] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Thái Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 28/02/2018, số vào sổ 011/2018 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*:

Giao cho chị Lê Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung Thái Lê Xuân L, sinh ngày 01/4/2021.

Anh Thái Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

3. *Về án phí:* Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0003012, ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT,TT&THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 17- Lâm Đồng;
- UBND xã Nam Thành, tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THA DS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường